

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2021/HSST

Ngày 06/4/2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TỈNH THÁI BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Thanh Tâm,
2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2021/HSST ngày 16 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/HSST- QĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo: **Nguyễn Trung H**, sinh ngày 27/02/1994. Nơi sinh: Tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Số nhà 22/4, đường Q, tổ 8, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N; vợ: Hà Thị Thanh X, có 01 con; nhân thân: Từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 01 năm 2015 tham gia nghĩa vụ quân sự; bị bắt truy nã, tạm giữ từ ngày 26/11/2020 đến 03/12/2020 chuyển tạm giam cho đến nay.

**\* Bị hại:** Chị Vũ Thanh Th, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Số nhà 22/4, đường Q, tổ 8, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

**\* Người làm chứng:**

1. Bà Lê Thị D, sinh năm 1965.
2. Ông Đào Ngọc H, sinh năm 1964.

Đều cư trú tại: Số nhà 20/02/01, đường S, tổ 14, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

3. Chị Nguyễn Thị Minh K, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Phòng 316, chung cư TL, phường Q, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

4. Ông Vũ Xuân Đ, sinh năm 1952.

Nơi cư trú: Số nhà 10, ngõ 4, đường Q, tổ 8, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

5. Bà Lại Thị Kim Dung, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Số nhà 16, đường L, tổ 27, phường Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, bà N, vắng mặt những người tham gia tố tụng khác).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Biết chị Vũ Thanh Th có nhu cầu mua nhà ở trên địa bàn thành phố Thái Bình nên khoảng 17 giờ ngày 13/5/2017 Nguyễn Trung H đã liên lạc và hẹn gặp chị Th tại Văn phòng môi giới nhà đất MK, địa chỉ ở Lô PG3-03, khu V, đường L, tổ 30, phường Đ, thành phố B. Tại đây, H trao đổi và giới thiệu cho chị Th mua một trong ba căn nhà xây thô trên thửa đất có diện tích 225 m<sup>2</sup>, thửa đất số XYZ, tờ bản đồ số 06, tại tổ 8, phường P, thành phố B của bà Lê Thị D. H dẫn chị Th đến để xem nhà, khi đến nơi H chỉ cho chị Th xem căn nhà xây thô nằm cạnh xưởng may trong số 03 căn nhà xây thô trên thửa đất số XYZ là căn nhà H giới thiệu để chị Th mua. Sau khi xem nhà chị Th nói với H để về suy nghĩ và nếu mua căn nhà trên thì phải có đầy đủ giấy tờ sang tên chuyển quyền sử dụng đất. H nói với chị Th là sẽ lo thủ tục, giấy tờ thì giá căn nhà là 700.000.000 đồng nhưng phải đặt cọc số tiền là 350.000.000 đồng. H còn nói nếu không làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho chị Th theo đúng hẹn thì H sẽ mua lại căn nhà từ chị Th với giá là 730.000.000 đồng.

H cần tiền tiêu xài cá nhân nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền đặt cọc mua nhà của chị Th. Để tạo lòng tin với chị Th, H đã tự làm một hợp đồng môi giới đề ngày 30/4/2017 với bà Lê Thị D và điền thông tin liên quan vào hợp đồng, nhờ một người ở quán photocopy ký chữ “D” vào bản hợp đồng. Khoảng 20 giờ ngày 30/4/2017, chị Th đến gặp H tại Văn phòng môi giới nhà đất MK, H đưa cho chị Th bản hợp đồng môi giới giữa H và bà D và nói với chị Th là H được bà D giao toàn quyền quyết định việc bán căn nhà xây thô mà chị Th có ý định mua. Chị Th tin tưởng lời H nói là thật nhưng do chưa chuẩn bị đủ số tiền 350.000.000 đồng đặt cọc nên chị Th giao trước cho H số tiền 100.000.000 đồng và hẹn H đến ngày 16/5/2017 sẽ giao tiếp số tiền 250.000.000 đồng. H nhận 100.000.000 đồng của chị Th, hai bên viết hợp đồng đặt cọc tiền đề ngày 13/5/2017. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/5/2017, chị Th hẹn gặp H tại Văn phòng Trung tâm ngoại ngữ A, địa chỉ số nhà 28/7, đường TH, tổ 30, phường TH, thành phố B. Tại đây, chị Th đã đưa cho H số tiền 250.000.000 đồng là tiền đặt cọc mua nhà còn thiếu, H nhận tiền từ chị Th và thống nhất thay hợp đồng đặt

cọc lập ngày 13/5/2017 bằng hợp đồng đặt cọc mới với số tiền là 350.000.000 đồng đề ngày 16/5/2017. Tổng số tiền 350.000.000 đồng H đã tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 18 giờ ngày 26/5/2017, H gặp chị Th tại căn hộ P817, chung cư TL, tổ 45, phường Q, thành phố B lấy lý do cần tiền để sang tên quyền sử dụng đất của căn nhà trên, H vay chị Th số tiền 100.000.000 đồng. Chị Th đồng ý và đưa cho H 60.000.000 đồng, còn 40.000.000 đồng chị Th đã chuyển vào tài khoản của H tại ngân hàng BIDV số tài khoản là 47110000983104. Đến ngày 07/6/2017 H đã trả cho chị Th số tiền 70.000.000 đồng và chị Th thấy H không làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất như đã hứa nên chị Th đã yêu cầu H viết giấy vay tiền của chị với số tiền là 395.000.000 đồng (trong đó có 350.000.000 đồng tiền đặt cọc mua nhà; 30.000.000 đồng tiền H còn nợ và 15.000.000 đồng tiền phạt hợp đồng). Quá trình cơ quan Điều tra triệu tập H lên làm việc thì H đã bỏ trốn khỏi địa phương, cơ quan Điều tra ra Quyết định truy nã số 07 ngày 28/8/2017 đối với H. Ngày 26/11/2020, H bị bắt khi đang lẩn trốn tại phường QT, thành phố B, tỉnh Đ.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như bản Cáo trạng đã nêu là đúng.

Bản cáo trạng số 42/CT-VKSTPTB ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Trung H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

\* Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/11/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

\* Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

\* Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không bào chữa, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện

kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên là các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác và được chứng minh bằng:

- Đơn trình báo và lời khai của bị hại.
- Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu.
- Bản kết luận giám định số 36/KLGD-PC54 ngày 21/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Chữ ký “D”, chữ viết “Lê Thị D” dưới mục “BÊN B” trên tài liệu ký hiệu A so với chữ ký “D”, chữ viết “Lê Thị D” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 có đặc điểm riêng khác nhau cơ bản, một số đặc điểm chung giống nhau có thể giải thích được; đủ cơ sở kết luận không phải do cùng một người ký, viết ra”.

- Biên bản ghi lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng:

Cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

**Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:** Trong khoảng thời gian từ ngày 13/5/2017 đến ngày 16/5/2017, Nguyễn Trung H có hành vi gian dối thông qua việc sử dụng 01 bản hợp đồng môi giới do H tự làm để lừa đảo chị Vũ Thanh Th, chị Th đã tin tưởng H, đặt cọc số tiền 350.000.000 đồng để mua 01 căn nhà xây thô trên lô đất có diện tích 225 m<sup>2</sup> tại thửa đất số XYZ, tờ bản đồ số 06, tại tổ 8, phường P, thành phố B của bà Lê Thị D. H đã chiếm đoạt số tiền 350.000.000 đồng của chị Vũ Thanh Th để tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Trung H đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

**Điều 139 Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản:**

...

*3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:*

*a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;*

...

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu

tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có thời gian tham gia quân đội. Các tình tiết này được giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt:

\* Hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, xử cho bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

\* Hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội lần đầu, không có nghề nghiệp ổn định, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 28/01/2021 bà Nguyễn Thị N là mẹ bị cáo đã bồi thường cho chị Vũ Thanh Th số tiền 350.000.000 đồng. Chị Th không yêu cầu H phải trả số tiền 30.000.000 đồng tiền H còn nợ và 15.000.000 đồng tiền bồi thường phạt hợp đồng.

[7] Đối với người phụ nữ là nhân viên quán Photocopy mà bị cáo H nhờ ký chữ “D” và chữ viết “Lê Thị D” dưới mục “BÊN B” của hợp đồng môi giới đề ngày 30/4/2017. Do bị cáo H không nhớ quán Photocopy ở đâu và không biết tên, địa chỉ người phụ nữ đó nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để xử lý.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 135; Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;
- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Tội danh** - Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

**2. Hình phạt:** Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/11/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Gia đình bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại nên không đặt ra giải quyết.

**4. Án phí:** Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo:** Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/4/2021). Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án ND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Tuyết**